

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-10-2021

*Về việc “tranh chấp
Hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Các hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Xuân O và bà Hoàng Thị Ái T

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị M - Thư ký toà án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện VKSND Thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị T –

Chức vụ: kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 14 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố V mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2021 về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên Đơn: Bà Lương Thị P Sinh năm 1988

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khối 10, phường L, thành phố V, tỉnh N.

Chỗ ở hiện nay: số 112, đường N, phường B, thị xã H, tỉnh H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D Sinh năm 1988

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 31/5/2021, bản tự khai và những lời trình bày của bà Lương Thị P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau: bà và ông Trần Văn D lấy nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2014 tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến cách đây khoảng hai năm (tức là khoảng năm

2019) thì xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt và đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, nhiều khác biệt trong quan điểm và lối sống, ông D không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn D để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: bà P khai quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là: Trần Ngọc Minh A, sinh ngày 28/10/2015 và Trần Quang K, sinh ngày 29/6/2018. Thời gian vợ chồng sống ly thân các con ở cùng bà, bà có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông Duyệt cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: bà P không yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết.

Phía bị đơn: Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho ông Trần Văn D nhưng ông D từ chối nhận và ký vào biên bản giao nhận, vì vậy Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành niêm yết tại nơi cư trú của ông D các loại giấy tờ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Duyệt nhưng ông vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được gửi giấy triệu tập, niêm yết theo đúng quy định của BLTTDS nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy thủ tục tố tụng được giải quyết theo trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 97, điều 147, khoản 2 điều 207, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về hôn nhân: cho bà Lương Thị P được ly hôn với ông Trần Văn D

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Trần Ngọc Minh A, sinh ngày 28/10/2015 và Trần Quang K, sinh ngày 29/6/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông D do bà P không yêu cầu. Ông D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản và nợ: bà P không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ, ông D vắng mặt và không có ý kiến gì nên miễn xét.

4. Về án phí: bà P phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Lương Thị P khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn D, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh N. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 02/06/2021 Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Lương Thị P và bị đơn ông Trần Văn D. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập cho ông D nhưng ông D chỉ một lần đến Tòa án nhưng không chịu viết bản tự khai và sau đó không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp thì ông D vẫn có mặt ở nhà, sinh sống tại xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh N. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết tại nơi cư trú Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Duyệt theo đúng quy định tại các điều 196, điều 208, điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đây là lần thứ hai mở phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lương Thị P kết hôn với ông Trần Văn D trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 9 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố V, tỉnh N. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà P và ông D thấy rằng: Sau khi kết hôn bà P và ông D chung sống hòa thuận được một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay là gần 2 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được. Bà P nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm không còn nữa nên bà xin được ly hôn. Tòa án đã kiên trì phân tích hậu quả của việc ly hôn nhưng bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ông D cũng biết việc bà P xin ly hôn nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải chứng tỏ ông không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà P xin ly hôn ông D là có cơ sở nên được chấp nhận, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà P được ly hôn ông D là phù hợp pháp luật quy định.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung. Bà P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D vắng mặt và không có ý kiến gì. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các con, cần giao hai con chung là Trần Ngọc Minh A, sinh ngày 28/10/2015 và Trần Quang K, sinh ngày 29/6/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông D do bà P không yêu cầu. Ông D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản và nợ: Bà P không yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết về tài sản và nợ. Ông D quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có ý kiến gì nên hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về án phí: Bà P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

[1]. Về hôn nhân: Cho bà Lương Thị P được ly hôn ông Trần Văn D.

[2]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung, xử:

- Giao con hai con chung là Trần Ngọc, sinh ngày 28/10/2015 và Trần Quang K, sinh ngày 29/6/2018 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông D do bà P không yêu cầu. Ông D có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3]. Về án phí: bà Lương Thị P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà P đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003584 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh N.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSNDTPV, VKSND tỉnh N
- Chi cục THADS TP V
- UBND xã H, TP V để hủy đăng ký kết hôn số 68 ngày 06/9/2014
- TAND tỉnh N
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nhung